

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BAN QUẢN LÝ

Các thành viên của Ban Quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Quản lý

Ông Lê Văn Phúc
Ông Vũ Nguyên Khánh
Ông Nguyễn Kim Thảo
Ông Trịnh Quốc Tuấn

Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Ông Lê Văn Phúc

Chủ tịch

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 02 năm 2022

Số. 10/BCKT-ACC.DH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2022, từ trang 04 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 081/VACO/BCKT.HP đề ngày 12 tháng 03 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Huy Hoàng

Phó Giám đốc chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4460-2019-084-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ
ACC VIỆT NAM – CHI NHÁNH DUYÊN HẢI**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2021

Nguyễn Thị Hoàng Ngân

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2890-2020-084-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.411.734.444	57.678.472.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.447.548.856	4.140.723.511
1. Tiền	111		2.341.381.745	965.749.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.106.167.111	3.174.973.620
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	49.777.096.940	47.614.242.664
1. Đầu tư ngắn hạn	121		49.777.096.940	47.614.242.664
III. Phải thu ngắn hạn	130		2.869.878.268	4.076.378.291
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131	6	386.287.525	282.456.925
2. Trả trước cho người bán	132		281.600.000	1.231.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	867.533.517	1.125.267.392
4. Các khoản phải thu khác	135	7	1.612.857.779	1.715.454.527
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(278.400.553)	(278.400.553)
IV. Hàng tồn kho	140		610.596.455	673.005.204
1. Hàng tồn kho	141	8	610.596.455	673.005.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.706.613.925	1.174.123.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	553.929.179	481.560.698
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	12	467.229.812	7.107.467
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	685.454.934	685.454.934
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.779.289.965	24.921.806.087
I. Tài sản cố định	220		26.546.452.403	24.711.856.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.315.253.879	23.407.160.804
- Nguyên giá	222		34.267.806.112	34.576.454.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.952.552.233)	(11.169.293.666)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.231.198.524	1.304.695.797
II. Tài sản dài hạn khác	260		232.837.562	209.949.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	232.837.562	209.949.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		85.191.024.409	82.600.278.856

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		12.917.862.506	10.327.116.953
I. Nợ ngắn hạn	310		12.381.576.856	9.804.594.303
1. Phải trả người bán	312		760.385.218	327.255.961
2. Người mua trả tiền trước	313		240.846.850	237.516.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	41.605.838	244.158.899
4. Phải trả công nhân viên	315		2.251.572.085	2.209.238.321
5. Phải trả nội bộ	317		155.228.883	109.563.834
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	870.631.461	968.322.440
7. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320	14	5.263.539.454	4.092.016.388
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.797.767.067	1.616.521.610
II. Nợ dài hạn	330		536.285.650	522.522.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	536.285.650	522.522.650
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		72.273.161.903	72.273.161.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	72.273.161.903	72.273.161.903
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.194.184.216	72.194.184.216
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		78.977.687	78.977.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		85.191.024.409	82.600.278.856



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2022

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		80.275.604.364	77.655.965.097
1.1.	Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		77.844.369.998	75.219.524.550
1.1.1.	Xổ số truyền thống	01.1.1		22.984.245.453	22.871.809.090
1.1.2.	Xổ số cào	01.1.2		163.804.545	135.309.090
1.1.3.	Xổ số bốc	01.1.3		1.342.429.094	1.360.612.728
1.1.4.	Xổ số lô tô	01.1.4		53.353.890.906	50.851.793.642
1.2.	Doanh thu kinh doanh khác	01.2		2.431.234.366	2.436.440.547
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.397.850.757	9.811.242.328
2.1.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		10.153.613.485	9.811.242.328
2.1.1.	Xổ số truyền thống	02.1.1		2.997.945.055	2.983.279.446
2.1.2.	Xổ số cào	02.1.2		21.365.810	17.649.012
2.1.3.	Xổ số bốc	02.1.3		175.099.451	177.471.220
2.1.4.	Xổ số lô tô	02.1.4		6.959.203.169	6.632.842.650
2.2.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		244.237.272	-
3.	Doanh thu thuần (10=01-02)	10	16	69.877.753.607	67.844.722.769
3.1.	Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		67.690.756.513	65.408.282.222
3.1.1.	Xổ số truyền thống	10.1.1		19.986.300.398	19.888.529.644
3.1.2.	Xổ số cào	10.1.2		142.438.735	117.660.078
3.1.3.	Xổ số bốc	10.1.3		1.167.329.643	1.183.141.508
3.1.4.	Xổ số lô tô	10.1.4		46.394.687.737	44.218.950.992
3.2.	Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		2.186.997.094	2.436.440.547
4.	Chi phí kinh doanh	11		68.485.128.088	66.451.457.170
4.1.	Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		68.446.776.452	66.439.887.170
4.1.1.	Chi phí trả thưởng	11.1.1		40.457.910.684	37.550.703.469
4.1.2.	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		27.988.865.768	28.889.183.701
4.2.	Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		38.351.636	11.570.000
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.392.625.519	1.393.265.599
5.1.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		(756.019.939)	(1.031.604.948)
5.2.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		2.148.645.458	2.424.870.547

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.966.751.601	3.140.821.246
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	2.092.443.500	2.583.542.853
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25))	30		2.266.933.620	1.950.543.992
10.	Thu nhập khác	31		16.846.811	6.507.896
11.	Chi phí khác	32		83.686.000	3.460.000
12.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(66.839.189)	3.047.896
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.200.094.431	1.953.591.888
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	319.729.260	308.681.925
15.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.880.365.171	1.644.909.963



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2022

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	2.200.094.431	1.953.591.888
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.091.906.925	1.138.815.016
Các khoản dự phòng	03	1.171.523.066	2.371.991.829
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.966.509.288)	(3.140.160.085)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.497.015.134	2.324.238.648
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	788.830.438	(1.324.195.444)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	62.408.749	43.441.682
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(723.851.957)	427.271.558
Thay đổi chi phí trả trước	12	(95.256.557)	389.900.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(714.369.714)	(563.228.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	814.776.093	1.297.428.094
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.269.153.000)	(84.254.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.415.192.133)	(44.700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.252.337.857	34.651.702.969
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.924.056.528	3.824.904.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.507.950.748)	(6.307.647.344)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(693.174.655)	(5.010.219.250)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.140.723.511	9.150.942.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	3.447.548.856	4.140.723.511



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 02 năm 2022

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

